TÒA ÁN NHÂNDÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số183/2017/DS-PT
Ngày 28-9-2017
V/v tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Đào Minh Đa

Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Xông – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2017/TLPT-DS ngày 24/8/2017 về việc "tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2017/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2017/QĐPT-DS ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1.1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1961

Địa chỉ: 36B đường 75, khu phố 2, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

1.2. Bà Nguyễn Bích T, sinh năm 1967, có mặt.

1.3. Ông Nguyễn Xuân L_1, sinh năm 1978, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương,

- *Bị đơn:*

2.1. Ông Nguyễn Văn M , sinh năm 1939

2.2. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1942

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn I, sinh năm 1942; ngụ tại: Ấp H, xã O, huyện D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Chi cục Thi hành án dân sự huyện D.

Địa chỉ: Khu phố 4B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Tấn Q; chức vụ: Chi Cục trưởng, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị Tuyết T_1, sinh năm 1964

Địa chỉ: Ấp 2, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.3. Ông Vương Huy H, sinh năm 1968

Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.4. Bà Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm 1969

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

3.5. Anh Nguyễn Hữu A, sinh năm 1971

3.6. Chị Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1974

3.7. Anh Nguyễn Thành U, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương, đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.8. Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm,

- *Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Xuân L_1 và bà Nguyễn Bích T thống nhất trình bày:* Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị B có 08 người con gồm các ông, bà: Nguyễn Văn L, sinh năm 1961; Nguyễn Thị Tuyết T_1, sinh năm 1964; Nguyễn Bích T, sinh năm 1967; Nguyễn Hữu A, sinh năm 1971; Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1974; Nguyễn Thành U, sinh năm 1976; Nguyễn Xuân L_1, sinh năm 1978; Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1984.

Nhà, đất của gia đình ông M, bà B bị giải tỏa để thực hiện dự án Thủy lợi Phước Hòa, năm 2010 ông M, bà B được Nhà nước cấp một định xuất đất tái định cư có diện tích 300m^2 thuộc thửa đất số 247, đất tọa lạc tại ấp N, xã M huyện D, đã được Ủy ban nhân dân huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00437, ngày 01/11/2011 do ông M đứng tên. Do ông M, bà B tuổi già sức yếu, không có khả năng xây dựng nhà ở. Vì vậy, các con của ông, bà gồm chị Nguyễn Bích T, anh Nguyễn Xuân L_1, anh Nguyễn Văn L đã bàn bạc và thống nhất cùng góp tiền để xây dựng nhà trên đất tái định cư cho cha mẹ ở. Khi nào cha, mẹ qua đời, người con nào nhận di sản của cha, mẹ để lại thì người đó có trách nhiệm hoàn trả lại cho các anh L, anh L_1 và chị T số tiền mà các anh, chị đã bỏ ra xây nhà. Việc thỏa thuận nêu trên có lập "Biên bản họp gia đình" ngày 10/4/2010, có mặt chị T, anh L, anh L_1 và ông M, bà B. Sau đó chị T, anh L, anh L_1 cùng góp tiền thuê người xây dựng nhà và các công trình phụ trên đất hết số tiền là 400.000.000 đồng.

Nay Chi cục Thi hành án dân sự huyện D ban hành Quyết định cưỡng chế kê biên tài sản và thông báo bán đấu giá tài sản của ông M, bà B là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH435470 để thi hành nghĩa vụ thanh toán nợ của ông M, bà B theo Bản án số 54/2015/DSST ngày 03/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện D. Việc Chi cục Thi hành án dân sự huyện D quyết định cưỡng chế tài sản nêu trên đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị T, anh L, anh L_1 là nhà ở và công trình phụ do chị T, anh L, anh L_1 bỏ tiền xây dựng cho ông M, bà B sử dụng. Do đó, chị T, anh L, anh L_1 khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định căn nhà cấp 4 có diện tích 110,7 m^2; 01 mái hiên + nền xi măng có diện tích 26,9m^2; 01 gian nhà bếp có diện tích 31,6 m^2 gắn liền với đất ông M được cấp Giấy chứng nhận là tài sản thuộc quyền sở hữu của chị T, anh L, anh L_1.

- Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Ông M, bà B có lời khai xác định lời trình bày của chị T, anh L, anh L_1 là đúng sự thật. Việc họp gia đình ngày 10/4/2010 còn có anh U và anh A cũng là con trai ông, bà cùng dự. Các con của ông, bà đã có gia đình không sống cùng nhà, nhưng vẫn thường xuyên đến chăm sóc và chu cấp, vì vợ chồng ông, bà bị bệnh, sức khỏe yếu không thể lao động được. Ông, bà đồng ý việc chị T, anh L, anh L_1 khởi kiện.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vương Huy H, chị Nguyễn Thị Bích P do bà Nguyễn Bích T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Anh H, Chị P thống nhất với ý kiến của nguyên đơn.

- Quá trình làm việc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chị Nguyễn Thị Kim N, chị Nguyễn Thị Tuyết T) trình bày:

Xác định lời khai của các chị T, anh L, anh L_1 trình bày là đúng. Việc họp gia đình vào ngày 10/4/2010, chị N, chị T không tham dự, nhưng sau đó các chị N, chị T được cha, mẹ là ông M, bà B cho biết việc chị T, anh L, anh L_1 bỏ tiền ra xây nhà. Chị N, chị T xác định tài sản bị kế biên là do chị T, anh L, anh L_1 bỏ

tiền xây dựng. Chị N, chị T không có ý kiến tranh chấp gì đối với nhà và các công trình xây dựng trên đất.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hữu A, anh Nguyễn Thành U trình bày:*

Anh A, anh U xác định tài sản tranh chấp là do chị T, anh L, anh L_1 bỏ tiền xây dựng cho cha, mẹ các anh là ông M, bà B sử dụng. Anh A, anh U không có ý kiến tranh chấp đối với nhà và các công trình xây dựng trên đất.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng C trình bày:

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2015/DS-ST ngày 03/09/2015 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương thì ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền 425.000.000 đồng. Sau khi nhận được bản án, bà làm đơn yêu cầu thi hành án, nhưng cho đến nay vợ chồng ông M, bà B vẫn chưa thi hành án trả nợ. Hiện tại bà đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00437 được Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho ông Nguyễn Văn M.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng đã kê biên biên để bán đấu giá tài sản của ông M, bà B (nhà và đất) để thi hành án cho bà. Tuy nhiên, các con của ông M, bà B khởi kiện tranh chấp tài sản là nhà và công trình phụ gắn liền với đất đã được kê biên. Bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chỉ đề nghị Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

****** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chi c ục Thi hành án dân sự huyện D trình bày:*

- Căn cứ vào Bản án số 54/2015/DSST ngày 03/9/2015 của TAND huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Căn cứ các Quyết định thi hành án số 286/QĐ-CCTHA ngày 16 tháng 10 năm 2015 và Quyết định thi hành án số 246/QĐ-CCTHA ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

Ngày 11/01/2016, Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 43/QĐ-CCTHA về cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản của ông Nguyễn Văn Mvà bà Nguyễn Thị B để đảm bảo thi hành án. Tài sản kê biên, xử lý gồm:

Quyền sử dụng đất đối với khu đất thuộc thửa đất số 247, tờ bản đồ số 9 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 435470, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH00437 do Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng cấp ngày 01/11/2011 cho ông Nguyễn Văn M đứng tên quyền sử dụng đất, cùng tài sản là nhà ở và công trình xây dựng gắn liền trên đất tọa lạc tại ấp N, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Nay các nguyên đơn cho rằng căn nhà cấp 4 có diện tích 110,7m^2, 01 mái hiên+nền xi măng có diện tích 26,9m^2, 01 gian nhà bếp có diện tích 31,6m^2 được xây dựng trên thửa đất số 247, tờ bản đồ số 9 do ông Nguyễn Văn M đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản của các nguyên đơn. Vì các nguyên đơn đã cùng bỏ tiền xây dựng nhà cho cha, mẹ ở. Trước yêu cầu của

nguyên đơn, Chi cục Thi hành án dân sự huyện D không đồng ý, vì căn cứ vào biên bản xác minh ngày 28/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D tại địa phương, thì ông M, bà B đang sở hữu căn nhà cấp 4 có diện tích khoảng 150m^2. Như vậy, tài sản này là của ông M, bà B.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2017/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Bích T, anh Nguyễn Xuân L_1, anh Nguyễn Văn L đối với bị đơn bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn M về việc "tranh chấp quyền sở hữu tài sản liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án"

- Giao bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn M sở hữu căn nhà cấp 4 có diện tích 110,7 m^2; 01 mái hiên+nền xi măng có diện tích 26,9 m^2; 01 gian nhà bếp có diện tích 31,6 m^2 được xây dựng trên thửa đất số 247, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại ấp N, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương (không kèm theo đất).

- Bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn M có trách nhiệm thanh toán cho chị Nguyễn Bích T, anh Nguyễn Xuân L_1, anh Nguyễn Văn L số tiền 232.735.545 đồng (hai trăm ba mươi hai triệu bảy trăm ba mươi lăm ngàn năm trăm bốn mươi lăm đồng) giá trị tài sản.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí đo đạc, định giá, trách nhiệm chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương.

Vụ án không có kháng nghị của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự kháng cáo trong thời hạn luật định.

Về nội dung: Nguyên đơn, bị đơn có mối quan hệ cha con , mẹ con. Bị đơn có nghĩa vụ trả nợ cho bà C theo bản án có hiệu lực pháp luật . Khi bị đơn phải thi hành án thì các nguyên đơn tranh chấp quyền sở hữu. Chứng cứ nguyên đơn đưa ra là biên bản họp gia đình , nhưng không có người làm chứng . Hồ sơ đền bù Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chưa cụ thể về số tiền ông M , bà B được đền bù, nên Tòa án cấp sơ th ẩm xác định tài sản tranh chấp thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn là không có căn cứ vững chắc . Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà

Cúc, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Các vấn đề về quyền khởi kiện, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết, người tham gia tố tụng và thủ tục tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng về quan hệ pháp luật, Tòa án cấp phúc thẩm điều chỉnh cho chính xác là "tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án".

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Hồng C kháng cáo trong thời hạn luật định là hợp lệ.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Xuân L_1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết T_1, ông Vương Huy H, chị Nguyễn Thị Kim N, chị Nguyễn Thị Bích P , anh Nguyễn Thành U, anh Nguyễn Hữu A và Chi cục Thi hành án dân sự huyện D có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ pháp luật Tòa án phải giải quyết là quan hệ pháp luật đặc thù "tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án" theo quy định tại khoản 12 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 75 của Luật Thi hành án dân sự. Đương sự trong vụ án là người cùng quan hệ huyết thống với nhau, quyền sở hữu tài sản của họ có sự liên quan đến quyền lợi của người thứ ba là người được thi hành án. Vì vậy, mặc dù lời khai và yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, lời khai của các bị đơn và lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn (gồm bà Nguyễn Thị Tuyết T_1, ông Nguyễn Hữu A, bà Nguyễn Thị Bích P, anh Nguyễn Thành U và chị Nguyễn Thị Kim N đều là các con của bị đơn) trong vụ án này là thống nhất với nhau. Nhưng quyền lợi về tài sản (giữa nguyên đơn và bị đơn) về mặt pháp lý vẫn có sự đối lập nhau. Bởi lẽ, nguyên đơn và bị đơn vẫn có thể phát sinh tranh chấp quyền sở hữu nhà và các công trình phụ xây dựng trên thửa đất của bị đơn. Chính vì vậy, lời khai của các nguyên đơn về nguồn gốc căn nhà là do các nguyên đơn thỏa thuận góp tiền xây dựng trên đất của bị đơn để cho bị đơn sử dụng ở đến hết đời và được các bị đơn thừa nhận là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự (những tình tiết, sự kiện "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối...").

[2.2] Tuy nhiên, nguyên đơn vẫn thực hiện nghĩa vụ chứng minh bằng chứng cứ là "Biên bản họp gia đình" ngày 10/4/2010 có nội dung: Thành phần gồm ông M, bà B và các chị T, anh L, anh L_1; ký tên chứng kiến có anh Nguyễn

Hữu A và Nguyễn Thành U; nội dung cụ thể là: *"Do ông bà đã già yếu không có khả năng xây nhà để ở, căn nhà trước đây do Nhà nước giải tỏa để làm kênh P. Nên hôm nay mở cuộc họp gia đình tổ chức họp thống nhất bàn bạc về việc xây dựng nhà cho ông bà có chỗ tạm ở.*

1. Các con phải có trách nhiệm nuôi nấng cha mẹ lúc tuổi già.

2. Do điều kiện cha mẹ đã già yếu, nên con nào có điều kiện cùng chung bỏ tiền ra để xây dựng nhà cho cha mẹ có chỗ ở tạm lúc về già.

3. Sau khi bàn bạc trong gia đình cùng các con, có 03 người là:

- *Ông Nguyễn Văn L*
- *Ông Nguyễn Xuân L_1*
- *Bà Nguyễn Bích T*

Có điều kiện kinh tế hơn các người con khác, cùng nhau góp tiền xây dựng nhà cho ông, bà ở tạm, lấy chỗ để thờ cúng ông bà, tổ tiên. Thống nhất khởi công xây dựng căn nhà vào 22/4/2010 do ông Hồ Văn K (NH) ngụ tại ấp P nhận thi công.

4. Sau này ông bà trăm tuổi già yếu về với ông bà, tổ tiên nếu làm di chúc để lại cho ai ở thì người đó phải chịu trách nhiệm lo trả toàn bộ số tiền xây nhà cho ông bà mà ba người con là ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Xuân L_1, bà Nguyễn Bích T đã đóng góp xây nhà cho ông bà ở tạm...".

[2.3] Theo quy định của pháp luật thì đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và cung cấp cho Tòa án chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc (các khoản 2, khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Quá trình tham gia tố tụng, bà Cúc là người được thi hành án không đưa ra được chứng cứ gì để bác bỏ chứng cứ do nguyên đơn xuất trình về quyền sở hữu tài sản.

[2.4] Chứng cứ Tòa án cấp sơ thẩm thu thập là kết quả định giá thể hiện:

- Căn nhà cấp 4, diện tích 110,7m^2 xây dựng năm 2010 có mái hiên (giá trị sử dụng còn lại 58,5%), trị giá 188.450.145 đồng;

- 01 gian bếp diện tích 31,6m^2, xây dựng năm 2010 (giá trị sử dụng còn lại 50%), trị giá 37.130.000 đồng;

- Mái hiên + nền xi măng diện tích 26,9m^2, xây dựng năm 2011(giá trị sử dụng còn lại 70%), trị giá 7.155.400 đồng, tổng trị giá nhà và công trình phụ là 232.753.545 đồng (bút lục 159, 160).

Biên bản Chi cục Thi hành án dân sự huyện D xác minh điều kiện thi hành án thể hiện: Ông M, bà B hiện đã già lớn tuổi nên không có việc làm; trong nhà là những đồ vật thông thường không có giá trị lớn. Gắn liền với căn nhà của ông

Mới, bà Bạc có có 01 căn nhà của bà Nguyễn Thị Bích P là con ruột ông M, bà B (bút lục 141).

Biên bản Tòa án cấp sơ thẩm xác minh đối với chính quyền địa phương, ông Lê Hữu X đại diện Ban lãnh đạo ấp N xác định: Phần đất ông M, bà B được Nhà nước cấp năm 2010 do nhà bị giải tỏa, nên có xây lại một căn nhà mới cấp 4, nhưng nguồn gốc tiền thì không biết ai bỏ ra. Vì ông M bị bệnh tai biến trước năm 2010, phải thường xuyên ra vào bệnh viện. Bà B thì mất sức lao động nên chỉ ở nhà lo việc nội trợ. Mọi sinh hoạt trong gia đình do các con ông bà trợ cấp. Các con ông, bà tuy không ở chung nhưng thường xuyên thăm nom, chăm sóc ông bà (bút lục 192).

[2.5] Nhằm bảo đảm vụ án giải quyết khách quan, toàn diện Tòa án cấp phúc thẩm phối hợp với đại diện Ủy ban nhân dân xã M xác minh bổ sung, xác định tình trạng sức khỏe và điều kiện hoàn cảnh của ông M, bà B đúng như kết quả xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm. Theo tài liệu là hóa đơn chứng từ và giấy xuất viện do ông B cung cấp thì ông thường xuyên điều trị hậu tai biến tại Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Bình Dương trong nhiều năm liền và hiện nay vẫn đang điều trị. Hiện nay ông, bà sống nhờ vào nguồn tiền do các con chu cấp (ông M là cán bộ hưu trí, nhưng lương thấp: 2,1 triệu đồng/tháng). Bà B xác định khoản nợ 425.000.000 đồng ông, bà phải thi hành án (theo Bản án số 54/2015/DS-ST ngày 03/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện D) là do con gái ông bà là Nguyễn Thị Kim N "theo công ty bán hàng đa cấp" gây nợ rồi về lấy sổ đất của ông, bà vay tiền của bà C. Điều này được bà Tô Thị Y, công chức Tư pháp xã M xác nhận biết khi phối hợp với Tòa án nhân dân huyện D xác minh vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản do bà C khởi kiện.

Tòa án cấp phúc thẩm cũng ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện D ghi lời khai bổ sung của ông M, bà B về số tiền đền bù nhà, đất bị giải tỏa, kết quả là bà B xác định lần đầu vào năm 2006 bà được nhận 210.000.000 đồng; lần thứ hai vào năm 2007 được nhận 80.000.000 đồng và lần thứ 3 được cấp nền tái định cư (năm 2010) nhận 12.000.000 đồng. Số tiền này bà trả nợ ngân hàng 15.000.000 đồng, đưa cho con gái là Nguyễn Thi Kim N vay 150.000.000 đồng xoay sở làm ăn, phần còn lại dùng hết vào việc chữa bệnh tai biến cho ông M (nằm một chỗ). Ông M thông nhất lời khai này của bà B. Lời khai về việc nhận tiền đền bù của bà B phù hợp với các văn bản về đền bù dự án Thủy lợi Phước Hòa của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (bút lục 40 đến 44 và bút lục 53).

[2.6] Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông M đứng tên được cấp ngày 01/11/2011 diện tích 300m^2 (đất tái định cư) không thể hiện có tài sản gắn liền với đất (bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này hiện nay bà C đang giữ). Xét lời khai của nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn là phù hợp với nhau và phù hợp với kết quả xác minh của hai cấp Tòa án. Bà C là người được thi hành án cho rằng tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bị đơn, nhưng không có chứng cứ gì chứng minh. Chi cục Thi hành án dân sự huyện D thì dựa vào biên bản xác minh

điều kiện thi hành án để cho rằng nhà thuộc sở hữu của bị đơn là không có căn cứ vững chắc.

[2.7] Khoản nợ bị đơn phải thi hành án phát sinh vào năm 2014 và được Chi cục Thi hành án dân sự huyện D thi hành năm 2016 là sau thời điểm tài sản bị cưỡng chế được xác lập. Như vậy, có căn cứ khẳng định "Biên bản họp gia đình" nguyên đơn cung cấp là đúng sự thật khách quan, đúng với hoàn cảnh gia đình nguyên đơn, bị đơn. Mặt khác, xét theo góc độ pháp lý thì "Biên bản họp gia đình" được xem như một giao dịch dân sự có đầy đủ các điều kiện có hiệu lực của nó theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự. Điều đó cũng có nghĩa là "Biên bản họp gia đình" nêu trên là căn cứ xác lập quyền sở hữu tài sản chung của các nguyên đơn, phù hợp pháp luật dân sự (Điều 208 Bộ luật Dân sự), pháp luật về Hôn nhân & gia đình (các Điều 103, 111 Luật Hôn nhân & gia đình) và đạo đức xã hội. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu tài sản liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án và được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.8] Cần nói thêm là: Tổng diện tích đất bị đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 300m^2; nhà bị đơn đang ở (có tranh chấp) được xây trên ½ lô đất (150m^2), ½ lô đất còn lại do vợ chồng chị Nguyễn Thị Bích P và anh Vương Huy H (con gái bị đơn) xây nhà ở. Vợ chồng chị P đồng ý việc kê biên thi hành án đối với diện tích đất này. Chi cục Thi hành án dân sự huyện D đã kê biên, cưỡng chế toàn bộ 300m^2. Kết quả thẩm định giá theo Thông báo số 581/TB-THADS ngày 11/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D gồm 300m^2 đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất đang tranh chấp là gồm 308.170.000 đồng trị giá đất của bị đơn và 68.526.000 đồng trị giá tài sản gắn liền với đất của vợ chồng chị P (phần này không thuộc phạm vi tài sản nguyên đơn tranh chấp). Trong khi kết quả Tòa án cấp sơ thẩm định giá tài sản nguyên đơn tranh chấp (không tính quyền sử dụng đất thuộc khu dân cư có hạ tầng hoàn chỉnh, gần chợ và trung tâm xã M là 232.753.545 đồng (bút lục 159, 160). Như vậy, kết quả thẩm định giá theo thông báo của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D là chưa phù hợp. Đương sự được quyền yêu cầu định giá lại xác định chính xác giá trị tài sản (quyền sử dụng đất) bị cưỡng chế để thi hành án. Quyền lợi của bà C được thi hành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 133 của Luật Thi hành án dân sự. Dành quyền cho nguyên đơn được ưu t iên mua lại tài sản gắn liền với đất theo quy định tại khoản 3, Điều 218 Bộ luật Dân sự năm 2015. Quyền sở hữu theo phần của từng nguyên đơn (tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất) do các nguyên đơn tự thỏa thuận giải quyết , trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết tại vụ án khác.

[2.9] Bà C kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh đường lối giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm là không có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn chịu án phí có giá ngạch là trị giá tài sản tranh chấp là không đúng. Trong vụ án này cần xác định đây là trường hợp tương tự phân chia tài sản, nên nguyên đơn phải chịu án phí theo khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm b, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án . Vì vậy, cần sửa bản án sơ thẩm về phần án phí dân sự sơ thẩm. Kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được xem là chấp nhận một phần.

[2.10] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương thấy : Như đã nhận định về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh ; về đánh giá chứng cứ ở phần trên. Mặt khác, chứng cứ nguyên đơn cung cấp không thuộc loại văn bản phải có người làm chứng hoặc công chứng, chứng thực. Vì vậy, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là không phù hợp.

[2.11] Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải nộp do sửa bản án sơ thẩm,

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 91, 92, 147, 148; khoản 2 Điều 308, Điều 309, 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, 208, 218 Bộ luật Dân sự ; các Điều: 103, 111 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án**,**

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Hồng C.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2017/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương như sau:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Bích T, ông Nguyễn Xuân L_1về việc "tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án " đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị B.

- Xác định tài sản là căn nhà cấp 4 có diện tích 110,7m^2; 01 mái hiên, nền xi măng có diện tích 26,9m^2; 01 gian nhà bếp có diện tích 31,6m^2 gắn liền với một phần thửa đất số 247, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại ấp N, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sở hữu chung của ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Bích T và ông Nguyễn Xuân L_1.

- Các nguyên đơn gồm ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Bích T và ông Nguyễn Xuân L_1 được quyền ưu tiên mua tài sản sở hữu chung (bao gồm cả quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền) trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày tài sản chung được được thông báo bán.

1.2. Chi phí đo đạc, định giá: Số tiền là 1.174.928 đồng; bị đơn ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị B phải chịu. Ông M và bà B phải nộp số tiền nêu trên để hoàn trả cho bà Nguyễn Bích T đã nộp tạm ứng.

1.3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Bích T và ông Nguyễn Xuân L_1 có trách nhiệm liên đới chịu 11.636.777 đồng (mười một triệu sáu trăm ba mươi sáu ngàn bảy trăm bảy mươi bảy đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; được khấu trừ 6.107.135 đồng (sáu triệu một trăm lẻ bảy ngàn một trăm ba mươi lăm đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0011089 ngày 19/8/2016 và Biên lai thu số 0004682 ngày 20/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương. Ông L, bà T và ông L_1 còn phải nộp 5.529.642 đồng (năm triệu năm trăm hai mươi chín ngàn sáu trăm bốn mươi hai đồng).

- Bị đơn ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm liên đới chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hồng C số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiề n số 0005623 ngày 27/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu cơ quan thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu khởi kiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện D;
- TAND huyện D;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Văn Minh